

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09/6/2020.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27/02/2020, về vụ tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HN, ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Si Mon T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Thạch T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Si Mon T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T xác lập hôn nhân năm 1994 và có đăng ký kết hôn quá hạn tại UBND xã H vào ngày 10/12/2002, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, khi tiến đến hôn nhân, bà và ông T không có quen nhau trước mà do mai mối rồi đồng ý tiến hành lễ cưới, nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong lúc

xây nhà, vợ chồng cự cãi nhau, ông T cầm cây đánh bà gây thương tích phải nằm viện 06 ngày, sau đó mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, ông T mỗi lần đi uống rượu về là gây bạo lực gia đình, hành hung đánh bà nhiều lần, nên bà không thể nào sống được mà bỏ nhà đi Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê từ năm 2017 và ly thân đến nay, không liên lạc, không gặp nhau, tình cảm không còn. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- *Về nuôi con tên:* Thạch Thị T, sinh năm 1995 (*đã có chồng*) và Thạch T, sinh năm 1999. Các con đã thành niên, bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Bà không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay ông Thạch T là bị đơn trong vụ án, vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Bà T và ông T xác lập hôn nhân năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 10/12/2002.

- Bà T và ông T chung sống sinh 02 người con tên: Thạch Thị T, sinh năm 1995 (*đã có chồng*) và Thạch T, sinh năm 1999. Các con đã thành niên, bà T và ông T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Bà T và ông T không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về mâu thuẫn: Bà T và ông T thừa nhận xảy ra năm 2016, do bất đồng quan điểm, ông T có đánh bà T nằm viện 06 ngày, luôn gây bạo hành gia đình, bà T bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê từ năm 2017 và ly thân đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, không có gặp nhau.

Các bên đương sự không thống nhất với nhau:

- *Về hôn nhân.*

+ Bà Trần Thị Si Mon T ý kiến: Xin ly hôn với ông T, vì vợ chồng đã ly thân gần 04 năm và tình cảm vợ chồng không còn.

+ Ông Thạch T ý kiến: Ông không đồng ý ly hôn với bà T mà xin đoàn tụ. Lý do vì các con đã trưởng thành, trường hợp bà T cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án xử theo quy định pháp luật.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, xử cho bà T và ông T được ly hôn với nhau, về nuôi con do các con đã thanh niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc bà T nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa ông T vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà T khởi kiện ông T yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân:* Bà T và ông T xác lập hôn nhân năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 10/12/2002, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà T khai: Năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong lúc cất nhà ở, vợ chồng có cãi vã với nhau, ông T cầm cây đánh bà gây thương tích nằm viện 06 ngày, sau đó mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, ông T mỗi lần đi uống rượu về là hành hung đánh bà nhiều lần, nên không thể nào sống được, bà bỏ nhà đi Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê từ năm 2017 và ly thân đến nay không liên lạc, không gặp nhau, tình cảm không còn. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tại bản khai, biên bản hòa giải ngày 13/3/2020 và ngày 20/5/2020, ông T khai: Năm 2016 ông thừa nhận có dùng cây đánh bà T, do ông uống rượu về nhà là bà T chửi ông, sau đó bà T tự ý lấy đồ bỏ nhà đi làm thuê từ năm 2017 đến nay, ông không biết địa chỉ, nên không đi tìm kiếm, đã ly thân gần 04 năm, không gặp mặt nhau. Nay ông không đồng ý ly hôn mà mong bà T trở về đoàn tụ gia đình. Trường hợp bà T cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án xử theo quy định pháp luật.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Quá trình chung sống giữa bà T và ông T có mâu thuẫn với nhau về lối sống, ứng xử giao tiếp, ông T thường gây bạo hành gia đình nên bà T không

chung sống mà phải bỏ nhà đi tính đến nay gần 04 năm, bà T và ông T không có gặp nhau và cũng không liên lạc với nhau.

Tại các phiên hòa giải ông T xin đoàn tụ, nhưng ông không thể hiện thiện chí của mình đối với bà T để đưa ra hướng đoàn tụ gia đình, ông không gặp bà T để trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà ông tiếp tục hăm dọa bà T và mâu thuẫn tiếp tục xảy ra. Tại phiên tòa bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn, không chung sống với ông T, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Do các con của bà T và ông T đã thành niên, nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Bà T và ông T không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Si Mon T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Si Mon T.

- Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Si Mon T được ly hôn với ông Thạch T.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Si Mon T tự nguyện nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007014, ngày 24/02/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Bà Trần Thị Si Mon T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo:

+ Bà Trần Thị Si Mon T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Ông Thạch T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm